



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION  
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City  
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Haiphong, March 20<sup>th</sup>, 2023

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**Respectfully to:** STATE SECURITIES COMMISSION  
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận năm 2022 so với năm năm 2021 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

*Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between year 2022 and year 2021 from Separate and Consolidated statements of profit and loss as follows:*

**1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ/ Separate Financial Statements (Parent Company):**

**ĐVT/ Unit: billion VND**

Chỉ tiêu	Item	Năm 2022/ Year 2022	Năm 2021/ Year 2021	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	528.757	556.207	(27.449)	-5%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	14.418	17.003	(2.585)	-15%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	514.339	539.203	(24.864)	-5%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold, and services rendered	383.749	387.040	(3.291)	-1%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	130.590	152.163	(21.573)	-14%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.011	0.011	(0.000)	-3%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	8.497	5.176	3.321	64%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	7.145	4.415	2.731	62%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	81.177	94.387	(13.210)	-14%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	23.488	25.833	(2.346)	-9%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Operating profit	17.440	26.779	(9.339)	-35%
11. Thu nhập khác	Other income	0.396	0.604	(0.208)	-34%



Chỉ tiêu	Item	Năm 2022/ Year 2022	Năm 2021/ Year 2021	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	1.812	0.320	1.492	466%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	(1.416)	0.284	(1.700)	-598%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	16.024	27.063	(11.039)	-41%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	3.822	6.518	(2.696)	-41%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	12.202	20.545	(8.343)	-41%

Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2022 là 16,024 tỷ, tức là giảm 11,039 tỷ, tương ứng giảm 41% so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là trong năm 2022 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 5% so với năm 2021 trong khi giá vốn hàng bán chỉ giảm 1% và chi phí tài chính tăng 64% so với năm trước do tăng vốn vay, đồng thời trong năm 2022 lãi suất cho vay của các ngân hàng tăng nên chi phí lãi vay cũng như giá nguyên liệu đầu vào đều tăng. Chi phí bán hàng tuy giảm 14% so với năm 2021 nhưng không bù được phần tăng giá vốn và chi phí tài chính dẫn đến lợi nhuận là 16,024 tỷ trước thuế và 12,202 tỷ sau thuế.

*Profit before tax of the Parent Company in the year 2022 is 16.024 billion, i.e. decreased by VND 11.039 billion, equivalent to 41% compared with that of the year 2021. The main cause for this is in 2022, the net revenue from sales of goods and rendering of services decreased by 5%, while the COGS decreased by only 1% and the financial expenses increased by 64% due to increase in loans, and in 2022, loan interest rates increased leading to increase in the interest expenses as well as raw material prices. Although, the selling expenses decreased by 14% compared with 2021 but could not cover the increase in the COGS and financial expenses, that leads to the business results the year 2022 arriving at a profit of VND 16.024 billion before and 12.202 billion after tax.*

## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất/Consolidated Financial Statement:

ĐVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	Năm 2022/ Year 2022	Năm 2021/ Year 2021	CHÉNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	820.739	881.402	(60.664)	-7%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	14.659	17.325	(2.666)	-15%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	806.079	864.077	(57.997)	-7%
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	656.448	679.963	(23.515)	-3%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	149.632	184.114	(34.483)	-19%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	7.526	3.616	3.911	108%

344752  
CÔNG TY  
HÀNG  
LIÊN  
ANFOCO  
- TP.HCM



Chỉ tiêu	Item	Năm 2022/ Year 2022	Năm 2021/ Year 2021	CHÊNH LỆCH/ DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	15.140	9.025	6.114	68%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	<i>- In which: Interest expenses</i>	9.499	6.257	3.242	52%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	86.512	107.276	(20.764)	-19%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	33.817	33.816	0.001	0%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<i>Operating profit</i>	<b>21.689</b>	<b>37.612</b>	<b>(15.923)</b>	<b>-42%</b>
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.666	1.322	(0.656)	-50%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	2.260	0.712	1.548	217%
13. Lợi nhuận khác	<i>Other profit</i>	<b>(1.594)</b>	<b>0.610</b>	<b>(2.204)</b>	<b>-361%</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<i>Net profit before tax</i>	<b>20.095</b>	<b>38.222</b>	<b>(18.127)</b>	<b>-47%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	4.078	8.804	(4.726)	-54%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>Net profit after tax</i>	<b>16.017</b>	<b>29.418</b>	<b>(13.401)</b>	<b>-46%</b>

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2022 là 20,095 tỷ, giảm 18,127 tỷ, tương ứng giảm 47% so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần giảm 7% (chủ yếu là doanh thu xuất khẩu) so với năm trước do các yếu tố bất lợi về thời tiết và tác động của cuộc xung đột Nga - Ukraine đã ảnh hưởng đến hoạt động vận tải biển khiến một số đơn hàng không thể giao theo dự kiến và nguồn cung nguyên liệu bị gián đoạn trong khi giá vốn hàng bán tăng 3%, chi phí tài chính tăng 68% do tăng vốn vay và lãi suất vay. Chi phí bán hàng tuy giảm 19% so năm 2021 nhưng không đủ bù phần tăng giá vốn hàng bán và chi phí tài chính nên lợi nhuận đạt 20,095 tỷ trước thuế và 16,017 tỷ sau thuế

*The net profit before tax of consolidated report of the year 2022 is 20.095 billion, decreased by 18.127 billion, equivalent to 47% compared with the year 2021. The main cause for this is in 2022, the net revenue from sale of goods and rendering of services decreased by 7% (mainly exported revenue) compared to the previous year because bad weather affected shipping activities and impact of the Russian-Ukrainian war causing some orders not to be delivered as expected, disruption to supply of materials, while the COGS increased by 3%, financial expenses increased by 68% due to increase in loans and interest rate. Even though selling expenses decreased by 19% compared with the year 2021 but not enough to cover the increase in the COGS and financial expenses, therefore, the profit only reached 20.095 billion VND before tax and 16.017 billion VND after tax.*

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

*Our Company would like to explain to your Agency.*

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trương Sỹ Toàn*